

Tờ Dữ Liệu An Toàn

ĐOẠN 1 NHẬN DIỆN SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

CALTEX AQUATEX 3380

Sử dụng sản phẩm: Chất lỏng bôi trơn kim loại

(Các) số sản phẩm: 530716

Nhận diện công ty

Chevron Lubricants Vietnam Limited
Hanoi Branch, 5th Floor - Horizon Offices
40 - Cat Linh
Hanoi
Vietnam

Phản Ứng khẩn cấp khi vận chuyển

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Located in the USA. International collect calls accepted. (800) 231-0623 or (510) 231-0623

Sức khỏe khẩn cấp

Trung Tâm Thông Tin Khẩn Cấp Chevron: Đặt tại Hoa Kỳ. Nhận điện thoại quốc tế người nhận trả. (800) 231-0623 hay (510) 231-0623

Thông tin sản phẩm

điện thư : CLVLTech@chevron.com
Thông tin sản phẩm: +84-4-37332545
Số FAX: +84-4-37332555

ĐOẠN 2 CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN	SỐ CAS	SỐ LƯỢNG
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Hỗn hợp	60 - 100 % trọng lượng
Dầu cao và axit naptenic, muối kali	66072-08-0	< 9 % trọng lượng
C14-17 Parafin được clo hóa (chlorinated)	85535-85-9	5 - 10 % trọng lượng
N,N-Bis(2-hydroxyetyl)oleamit	93-83-4	< 5 % trọng lượng
Axit benzensunfonic, dodecyldimetyl-, muối natri	63428-97-7	< 5 % trọng lượng

ĐOẠN 3 NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

XẾP LOẠI: Chất độc đối với khả năng sinh sản: Đường tiết sữa. Xổn rát mắt: Loại 2A. Xổn rát da: Loại 3. Chất độc cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 1. Chất độc mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 2.



Từ Ngữ Báo Hiệu: Cảnh báo

Những mối nguy hiểm về sức khỏe: Có thể gây nguy hiểm cho trẻ đang bú sữa mẹ (H362). Gây rát mắt nghiêm trọng (H319). Gây rát da nhẹ (H316).

Những mối nguy hiểm về môi trường: Rất độc hại cho đời sống thủy sinh (H400). Độc hại đối với môi trường thủy sinh và có ảnh hưởng lâu dài (H411).

ĐỀ PHÒNG

Ngăn ngừa: Thâu thập hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng (P201). Tránh tiếp xúc trong khi mang thai / cho con bú (P263). Mang bao tay bảo hộ, quần áo bảo hộ và dụng cụ bảo vệ mặt (P280). Không ăn, uống hoặc hút thuốc lá khi sử dụng sản phẩm này (P270). Rửa kỹ sau khi xử lý (P264). Tránh thải ra môi trường (P273).

Hồi báo: **NẾU LỘT VÀO MẮT:** Rửa mắt cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kiếng áp trùng ra, nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa (P305+P351+P338). Nếu mắt vẫn còn bị xót rát: Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế (P337+P313). Nếu thấy da bị khó chịu: Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế (P332+P313). **NẾU** đã tiếp xúc hoặc lo ngại về điều đó: Nên người hỏi ý kiến / chăm sóc y tế (P308+P313). Thu gom vết loang (P391).

Thải bỏ: Thải bỏ những thứ bên trong / thùng chứa theo quy định của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế (P501).

ĐOẠN 4 PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Lập tức dội nước để rửa mắt trong khi vẫn mở mi mắt. Nếu đeo kiếng áp trùng thì tháo ra sau lần dội ban đầu, và tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút. Tìm nơi chữa trị y tế nếu vẫn còn thấy rát.

Da: Lập tức rửa da bằng nước và cởi hết quần áo giày dép đã thấm nhiễm. Chăm sóc y tế ngay nếu bị bất cứ triệu chứng nào. Để gột hết chất này ra khỏi da, sử dụng xà bông và nước. Hãy thải bỏ quần áo và giày dép đã thấm nhiễm hoặc giặt rửa thật kỹ trước khi dùng lại.

Ăn: Đến nơi chăm sóc y tế nếu đã lỡ nuốt vào. Đừng làm nôn mửa. Đừng bao giờ đổ bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh.

Hít vào: Không cần phải dùng biện pháp sơ cứu đặc biệt nào. Nếu tiếp xúc chất liệu trong không khí ở mức quá cao, đưa người bị tiếp xúc ra chỗ không khí trong lành. Hãy đến nơi chăm sóc y tế nếu bị ho hay khó chịu ở đường hô hấp.

ĐOẠN 5 PHƯƠNG PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN DẬP TẮT: Dùng màn nước, chất bọt, hóa chất khô hay dioxit cacbon (CO₂) để dập lửa.

BẢO VỆ LÍNH CỨU HÒA:

Chỉ dẫn chữa cháy: Chất này sẽ cháy, mặc dù không dễ gì kích hỏa. Xem Đoạn 7 để biết cách xếp dỡ và bảo quản đúng quy định. Khi xảy ra hỏa hoạn liên can đến chất này thì đừng đi vào bất cứ nơi quây kín hoặc chật hẹp bí bưng nào đang cháy mà không có trang bị bảo vệ thích hợp, kể cả dụng cụ thở độc lập.

Sản phẩm đốt cháy: Tùy thuộc rất lớn vào điều kiện cháy. Một hỗn hợp phức chất – gồm các thành phần đặc, lỏng và khí, trong đó kể cả monoxit cacbon, dioxit cacbon, và hợp chất hữu cơ chưa rõ gốc tích – sẽ

sinh ra trong không khí khi chất này đang cháy. Khi đốt cháy thì có thể tạo thành các oxit: Lưu huỳnh, Silic

ĐOẠN 6 PHƯƠNG PHÁP GIẢM TAI NẠN

Phương pháp bảo vệ: Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực gần chất liệu chảy tràn.

Kiểm soát chảy tràn: Hãy chặn đứng nguồn phóng thích nếu có thể thực hiện mà không bị nguy cơ rủi ro nào. Nên khống chế chất thoát ra để ngăn ngừa tiếp tục thấm nhiễm mặt đất, nước mặt hay nước ngầm. Dọn sạch vết loang càng sớm càng tốt ngay khi có thể, và nhớ tuân thủ biện pháp đề phòng ghi trong phần Kiểm Soát Tiếp Xúc / Bảo Vệ Cá Nhân. Nên dùng những kỹ thuật thích hợp, ví dụ như áp dụng phương pháp bơm hoặc sử dụng chất hấp thụ nhanh nhưng khó cháy. Nếu khả thi và thích hợp thì dỡ bỏ lớp đất đã thấm nhiễm. Hãy đặt chất đã thấm nhiễm vào thùng chứa 'chỉ dùng một lần' rồi thải bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành.

Báo cáo: Báo cáo vết dầu loang cho chính quyền địa phương khi thích hợp hoặc cần thiết.

ĐOẠN 7 XÉP DỠ VÀ BẢO QUẢN

Thông tin xếp dỡ chung: Tránh làm thấm nhiễm vào đất hoặc phóng thích chất này vào hệ thống thoát nước và cống rãnh cũng như các khu vực chứa nước.

Phương pháp phòng ngừa: Không để dính vào mắt, trên da hoặc quần áo. Không để dính vào mắt. Không ném hay nuốt vào. Rửa kỹ sau khi xử lý.

Nguy hiểm tính: Tĩnh điện có thể tích tụ và gây ra tình trạng nguy hiểm khi xử lý chất này. Có thể cần phải giữ chặt và tiếp đất để giảm thiểu hiểm họa này, nhưng bản thân những điều đó có thể là chưa đủ. Hãy xem lại mọi hoạt động có thể tạo ra và tích tụ tĩnh điện và / hoặc môi trường không khí dễ cháy (kể cả việc châm đầy bồn chứa và thùng chứa, châm đầy kiểu bắn tóe, làm vệ sinh bồn chứa, lấy mẫu, đo đạc, bật công tắc, lọc lựa, trộn, khuấy, hoạt động hút chân không) và vận dụng các phương thức thích hợp để giảm thiểu nguy cơ.

Cảnh Báo Trên Thùng Hàng: Thùng chứa không dùng để chịu áp suất cao. Không dùng áp lực để thổi sạch thùng chứa, vì nó có thể thủng vỡ với lực nổ mạnh. Các thùng chứa rỗng còn vương lại cặn sản phẩm (ở thể đặc, lỏng, và / hoặc hơi) và có thể rất nguy hiểm. Dùng tăng áp, cắt, hàn điện, hàn đồng, hàn hợp kim, khoan, mài, hoặc phơi bày thùng chứa như thế ra trước nhiệt, ngọn lửa, tia lửa, tĩnh điện, hoặc nguồn kích hỏa khác. Chúng có thể nổ tung và gây thương tật hoặc tử vong. Nên xả thùng ỗng rỗng hoàn toàn, đậy kín và nhanh chóng trả lại cho nơi tân trang thùng hay bỏ đúng cách.

ĐOẠN 8 KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

THẬN TRỌNG CHUNG:

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT:

Chỉ dùng tại nơi thông thoáng tốt.

THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ mắt / mặt: Mang trang thiết bị bảo vệ để tránh vấy vào mắt. Loại trang thiết bị bảo vệ có thể lựa chọn là kính an toàn, kiếng bảo hộ chống hóa chất, tấm che mặt, hoặc kết hợp nhiều loại, tùy vào công việc cần thực hiện.

Bảo vệ da: Mặc quần áo bảo vệ để ngăn ngừa tiếp xúc da. Chọn quần áo bảo vệ bao gồm găng tay, tạp dề, giày ủng, và bộ bảo vệ mặt hoàn toàn tùy theo loại công việc thực hiện. Các chất liệu nên dùng cho găng tay bảo hộ là: Neopren, Cao su nitril, Clorua Polyvinyl (PVC hay Vinyl).

Bảo vệ hô hấp: Nói chung không đòi hỏi trang bị bảo vệ hô hấp. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra sương mù dầu thì xác định xem nồng độ trong không khí có ở dưới giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm trong nghề nghiệp – đối với sương dầu khoáng – hay không. Nếu không thì đeo mặt nạ thờ đã được phê chuẩn

nào có mức bảo vệ thỏa đáng đối với nồng độ chất đo được. Nên dùng hộp lọc hạt vụn cho mặt nạ thở thanh lọc không khí.
 Nên đeo mặt nạ cung cấp không khí (áp lực dương) trong trường hợp mặt nạ lọc khí có thể không bảo vệ đầy đủ.

Giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp:

Thành phần	Quốc gia/ Cơ quan	TWA	STEL	Trần nhà	Chú thích
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	Việt Nam	5 mg/m ³	10 mg/m ³	--	--
Dầu khoáng tinh chế cao (C15–50)	ACGIH	5 mg/m ³	10 mg/m ³	--	--

Nên tham vấn với chánh quyền địa phương để biết giá trị thích hợp.

ĐOẠN 9 THÀNH PHẦN LÝ HÓA

Chú ý: dữ liệu dưới đây là giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật.

- Màu sắc:** Màu hổ phách
- Trạng thái vật lý:** Chất lỏng
- Mùi:** Mùi dầu mỏ
- Ngưỡng mùi:** Không có sẵn dữ liệu
- pH:** Không có sẵn dữ liệu
- Áp suất hơi:** Không có sẵn dữ liệu
- Tỉ trọng bay hơi (Không khí = 1):** Không có sẵn dữ liệu
- Điểm sôi:** Không có sẵn dữ liệu
- Độ hòa tan:** Hòa tan trong nước.
- Điểm đông:** Không có sẵn dữ liệu
- Điểm tan chảy:** Không có sẵn dữ liệu
- Tỉ trọng:** 1 kg/l @ 20°C (68°F)
- Độ nhớt:** >30 mm²/s @ 40°C (104°F)
- Tốc độ bay hơi:** Không có sẵn dữ liệu
- Hệ số phân bố octanol / nước:** Không có sẵn dữ liệu

ĐẶC TÍNH DỄ BẮT CHÁY:

- Điểm bốc cháy:** (Thử nghiệm Open Cup Cleveland) 100 °C (212 °F) Tối thiểu
- Tự bốc cháy:** Không có sẵn dữ liệu
- Giới hạn dễ bắt lửa (Cháy Nổ) (% theo số lượng trong không khí):** Thấp hơn: Không có sẵn dữ liệu
 Cao hơn: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 10 ĐỘ BỀN VỮNG VÀ PHẢN ỨNG

- Phản ứng:** Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh, như clorat, nitrat, peroxit, v. v...
- Độ bền vững hóa học:** Chất này được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ và bảo quản lưỡng trước.
- Không tương thích với các chất liệu khác:** Không áp dụng
- Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Clorua hydro (Nhiệt độ tăng cao)
- Trùng hợp (polime hóa) nguy hiểm:** Sẽ không xảy ra quá trình polyme hóa nguy hại.

ĐOẠN 11 THÔNG TIN ĐỘC TÓ

ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE TRỰC TIẾP

Mắt: Tiếp xúc với mắt sẽ gây tổn nghiêm trọng. Triệu chứng có thể bao gồm có đau nhức, chảy nước mắt, ửng đỏ, sưng và mờ mắt.

Xón mắt: Nguy hiểm gây xón mắt dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Da: Tiếp xúc với da sẽ gây ngứa. Dự kiến sẽ không gây dị ứng da khi tiếp xúc với da. Triệu chứng có thể bao gồm đau, ngứa, đổi màu, sưng, và phồng rộp.

Độc tính da cấp tính: Nguy hiểm gây độc da cấp tính dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Ngứa da: Nguy hiểm gây ngứa da dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Nhạy cảm da: Nguy hiểm da nhạy cảm dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Ăn: Có thể làm tổn rất miệng, cổ họng và dạ dày. Triệu chứng có thể bao gồm đau nhức, buồn nôn, ói mửa, và tiêu chảy.

Độc tố cấp tính qua đường miệng: Nguy hiểm gây độc đường miệng cấp tính dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Hít vào: Dự kiến không gây hại nếu hít phải. Chứa dầu khoáng gốc dầu mỏ. Có thể bị bứt rứt hô hấp hoặc tác động khác lên phổi sau khi xông hít sương dầu trong một thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại ở nồng độ (trong không khí) cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với sương dầu khoáng. Triệu chứng ngứa rất hệ hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

Độc tố cấp tính hít vào: Nguy hiểm gây độc hít vào cấp tính dựa theo đánh giá dữ liệu cho chất liệu tương tự hay thành phần sản phẩm.

Ước tính độc tố cấp tính: Chưa xác định

Xem Đoạn 11 để biết thêm thông tin. Rủi ro tùy theo khoảng thời gian và mức tiếp xúc.

THÔNG TIN THÊM VỀ ĐỘC TÍNH:

Sản phẩm này có dầu gốc có thể được tinh chế bằng những tiến trình khác nhau bao gồm chiết xuất dung môi, cracking hydro, hay xử lý hydro mạnh. Không có loại dầu nào đòi hỏi có cảnh báo ung thư theo Tiêu Chuẩn Loan Báo Hiểm Họa của OSHA (29 CFR 1910. 1200). Những loại dầu này chưa được nêu trong Báo Cáo Thường Niên của Chương Trình Nghiên Cứu Độc Chất Quốc Gia (National Toxicology Program, hay NTP) hay được Cơ Quan Quốc Tế Nghiên Cứu Ung Thư (International Agency for Research on Cancer, hay IARC) xếp loại là; chất gây ung thư cho con người (Nhóm 1), có thể gây ung thư cho con người (Nhóm 2A), hay có khả năng gây ung thư cho con người (Nhóm 2B). Các loại dầu này chưa được Hội Nghị Mỹ Các Chuyên Gia Vệ Sinh Công Nghiệp Chính Phủ (American Conference of Governmental Industrial Hygienists, hay ACGIH) xếp loại là: chất xác định gây ung thư ở con người (A1), chất nghi ngờ gây ung thư ở con người (A2), hay chất xác định gây ung thư ở động vật có liên quan chưa biết đến con người (A3).

ĐOẠN 12 THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Dự kiến chất này rất độc hại cho thủy sinh vật và có thể gây tác động ngoại ý dài hạn cho môi trường thủy sinh.

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CHUYỂN ĐỘNG

Không có sẵn dữ liệu.

ĐỘ BỀN BỈ VÀ PHÂN HỦY

Dự kiến chất này không dễ phân hủy sinh học. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Báo cáo được rút từ tính chất của các thành phần riêng.

CÓ KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC

Yếu tố nồng độ sinh học: Không có sẵn dữ liệu.
Hệ số phân bố octanol / nước: Không có sẵn dữ liệu

ĐOẠN 13 CẢNH THẬN KHI VỨT BỎ

Sử dụng chất liệu cho mục đích định sẵn hay tái chế nếu có thể. Hiện đang có dịch vụ thu gom dầu đã sử dụng để tái chế hoặc tiêu hủy. Hãy đặt chất liệu đã thấm nhiễm vào thùng chứa rồi bỏ theo cách thức phù hợp với quy định hiện hành. Nên liên lạc với đại diện bán hàng của bạn hoặc cơ quan địa phương có thẩm quyền về môi trường hoặc sức khỏe để biết các phương pháp tái chế hay tiêu hủy đã được phê chuẩn.

ĐOẠN 14 THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Mô tả trình bày không áp dụng cho tất cả các trường hợp gửi hàng. Tham khảo 49CFR, hay Quy Định Hàng Hóa Nguy Hiểm (Dangerous Goods Regulations) thích hợp để biết thêm các đòi hỏi mô tả khác (chẳng hạn như tên kỹ thuật) và đòi hỏi gửi hàng theo cách đặc biệt hay theo số lượng đặc biệt.

Mô Tả gửi hàng DOT: UN3082, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (CHLORINATED PARAFFINS), 9, III, MARINE POLLUTANT (CHLORINATED PARAFFINS)

Mô tả gửi hàng IMO / IMDG: UN3082, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (CHLORINATED PARAFFINS), 9, III, MARINE POLLUTANT (CHLORINATED PARAFFINS)

Mô tả gửi hàng ICAO / IATA: UN3082, ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (CHLORINATED PARAFFINS), 9, III, MARINE POLLUTANT (CHLORINATED PARAFFINS)

ĐOẠN 15 THÔNG TIN QUY ĐỊNH

DÒ TÌM DANH SÁCH QUY ĐỊNH:

01-1=IARC Nhóm 1
01-2A=IARC Nhóm 2A
01-2B=IARC Nhóm 2B

Không một thành phần nào của chất này có tên trong danh sách bị kiểm soát ở trên.

DANH SÁCH HÓA CHẤT:

Mọi thành phần đều phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: AICS (Úc), DSL (Canada), EINECS (Liên Minh Châu Âu), IECSC (Trung Quốc), KECI (Hàn Quốc), TSCA (Hoa Kỳ).

Một hay nhiều thành phần không phù hợp với các yêu cầu kiểm kê hóa chất sau đây: ENCS (Nhật Bản), PICCS (Philippin).

ĐOẠN 16 CÁC THÔNG TIN KHÁC

BÁO CÁO DUYỆT LẠI: Bản sửa đổi này cập nhật các đoạn sau đây trong Tờ An Toàn Chất Liệu này: 1-16

Ngày duyệt lại: THÁNG SÁU 22, 2015

CÁC CHỮ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU NÀY:

TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng	TWA - Trung bình trọng lượng thời gian
STEL - Giới Hạn Tiếp Xúc Ngắn Hạn	PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép
	CAS - Số Dịch Vụ Tóm Tắt Hóa Chất
ACGIH - American Conference of Governmental Industrial Hygienists	IMO/IMDG - International Maritime Dangerous Goods Code
API - American Petroleum Institute	MSDS - Tờ An Toàn Chất Liệu (Material Safety Data Sheets, hay MSDS)
CVX - Chevron	NFPA - National Fire Protection Association (USA)
	NTP - National Toxicology Program (USA)
IARC - International Agency for Research on Cancer	

Điều chế theo Luật Hóa Chất số 6/2008/QH12 từ Chevron Energy Technology Company (Công Ty Kỹ Thuật Năng Lượng Chevron), 100 Chevron Way, Richmond, California 94802.

Thông tin trên dựa theo dữ liệu chúng tôi biết và được cho là chính xác kể từ ngày này. Do có thể áp dụng thông tin này theo các điều kiện ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi và với những điều kiện chưa quen và do dữ liệu có thể có sẵn tiếp theo ngày này, có thể có đề nghị sửa đổi thông tin, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng. Thông tin này được cung cấp theo điều kiện là người nhận phải tự quyết định chất liệu thích hợp cho mục đích riêng của mình.